

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hiền Lương và bà Lê Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Trần Quỳnh Nhi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa Thầy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy tham gia phiên tòa: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04-5-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 06-12-2022, về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15-3-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07-4-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị C, sinh năm; địa chỉ: Thôn X, thị trấn N, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn C1, sinh năm; địa chỉ: Thôn X, thị trấn N, huyện S, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

+ Chị Phan Thị S, sinh năm; địa chỉ: Thôn X, thị trấn N, huyện S. (Có mặt);

+ Chị Lê Thị S1, sinh năm; địa chỉ: Thôn X, thị trấn N, huyện S. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – chị Phan Thị C trình bày:

Chị và anh Bùi Văn C1 tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 05 năm trở lại đây thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân là do anh C1 không lo làm ăn vun đắp cho cuộc sống gia đình; ham ăn chơi, bài bạc, uống rượu bia. Khi chị góp ý, khuyên giải, anh C1 chẳng những không tiếp thu, sửa đổi mà ngược lại còn xúc phạm, đánh đập chị nhiều lần. Từ tháng 6/2021 đến nay, anh C1 đã bỏ đi khỏi nhà, để lại 02 con nhỏ cho chị C chăm sóc, chưa một lần liên lạc để hỏi thăm hoặc chu cấp tiền cho chị nuôi con; chị C gọi điện thoại yêu cầu anh C1 quay về để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng anh C1 không đồng ý. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị C – anh C1 có 02 con chung tên: Bùi A, sinh ngày và A1, sinh ngày Hiện nay, cả 02 con đều đang sinh sống cùng chị C. Nếu được ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con; không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- **Về phía bị đơn:** Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập để tham gia tố tụng, nhưng anh Bùi Văn C1 luôn vắng mặt không có lý do.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến như sau:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng về quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử vụ án. Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị C và anh Bùi Văn C1 được ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung cho chị C nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lập được.

- Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh Bùi Văn C1. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt đối với anh C1.

[3] Về nội dung vụ án:

[4] Đối với quan hệ hôn nhân: Hồ sơ vụ án thể hiện anh C1 và chị C tự nguyện kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn số 83, Quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy cấp. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C1 được pháp luật C nhận.

[5] Theo trình bày của chị C, sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng trong khoảng thời gian 05 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh C1 không lo lao động, chăm lo cho cuộc sống gia đình, lại thường xuyên ăn chơi, cờ bạc và đánh đập chị C. Mặc dù chị và người thân hai bên vợ chồng đã nhiều lần khuyên răn nhưng bị đơn vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C1 và chị C cũng được người làm chứng – chị Phan Thị S xác nhận.

[6] Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh C1 không tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo kết quả xác minh của Tòa án và lời trình bày của người làm chứng thì hiện nay anh C1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không biết đi đâu, làm gì. Chị C cũng cho rằng, anh C1 đã bỏ đi khỏi nhà từ tháng 6 năm 2021, từ đó đến nay vợ chồng không gặp lại nhau.

[7] Với những nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh C1 đến nay đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị C và anh C1 được ly hôn.

[8] Về con chung: Chị C và anh C1 có 02 con chung tên: Bùi A, sinh ngày và A1, sinh ngày Hiện nay, cả 02 con chung đều đang sinh sống cùng chị C. Quá trình tham gia tố tụng chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con; không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

[9] Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C1 không có ý kiến về việc nuôi con. Hơn nữa, hiện nay bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, không biết đi đâu, làm gì, nên không thể giao con chung cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị C.

[10] Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị Phan Thị C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[12] Về án phí: Chị Phan Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận C1 bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị C;
 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị C và anh Bùi Văn C1 được ly hôn.
 - Về con chung: Giao các con chung - cháu Bùi A, sinh ngày và cháu A1, sinh ngày cho chị Phan Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh Bùi Văn C1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2. Về án phí: Chị Phan Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị C đã nộp tạm

ứng án phí theo biên lai thu tiền số: **AA /2021/0004149**, ngày 06-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Chị C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04-5-2023), nguyên đơn quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Sa Thầy;
- UBND tt. Sa Thầy, h. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Trường Thọ